

Số : /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

*Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động
CTCP-Viện Nghiên cứu Dệt May*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May,

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần (CTCP) - Viện Nghiên cứu dệt may (Công ty),

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ CTCP-Viện Nghiên cứu Dệt May như sau:

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, Quốc hội đã ban hành Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14. Trên cơ sở rà soát Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, HĐQT nhận thấy cần xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung, cập nhật Điều lệ tổ chức và hoạt động được nêu kèm theo Tờ trình.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP-Viện Nghiên cứu Dệt May đính kèm Tờ trình. Điều lệ sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua.

(Bộ phận đại diện vốn Nhà nước và HĐQT của Công ty sẽ tiến hành lấy biểu quyết lại nếu Bộ Công Thương có ý kiến khác với Tờ trình).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Công Thương;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: Thư ký Công ty.

PHỤ LỤC

(Đi kèm Tờ trình số:/TTr-HĐQT ngày 27 tháng 04 năm 2022 của Chủ tịch HĐQT CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May)

NỘI DUNG CHI TIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CTCP – VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH		NỘI DUNG ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI BỔ SUNG	Ghi chú
I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ		I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ	Điều 1. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ	Điều 1. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ	
1.4 “Luật Doanh nghiệp”: Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) tại từng thời điểm;	1.4 Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) tại từng thời điểm;	Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã hết hiệu lực thay thế bằng Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14.	
1.5 “Luật Chứng khoán”: Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và các Luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại từng thời điểm;	1.5 “Luật Chứng khoán”: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các Luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm;	Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi hết hiệu lực thay thế bằng của Luật chứng khoán 54/2019/QH14	
1.6 “Người quản lý”: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Viện, Phó giám đốc Viện, Kế toán trưởng và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác	1.6 Người quản lý doanh nghiệp: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy	Điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của Luật doanh	

theo quyết định của Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm	định tại Điều lệ này;	nghiệp 2020 và mô hình tổ chức của công ty
1.8 “Pháp luật”: Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 2 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 03/06/2008, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (nếu có) tại từng thời điểm;	1.8 Văn bản quy phạm pháp luật: Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (nếu có) tại từng thời điểm;	Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của Pháp luật
1.9 “Người có liên quan”: Bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;	1.9 Người có liên quan: Bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 45, 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;	Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp 2020 và Luật chứng khoán 2019
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, Người đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của VTR <i>Chi nhánh Công ty cổ phần – Viện Nghiên cứu Dệt May tại Thành phố Hồ Chí Minh:</i> Tên tiếng Anh: Branch of Vietnam Textile	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, Người đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của VTRI h) Email: info@viendetmay.org.vn ; <i>Chi nhánh Công ty cổ phần – Viện Nghiên cứu Dệt May tại Thành phố Hồ Chí Minh:</i>	Bổ sung địa chỉ email giao dịch của Công ty và tên viết tắt của chi nhánh Công ty tại TP. HCM

Research Institute Joint Stock Company in HCM City (VTRSI).	Tên tiếng Anh: Branch of Vietnam Textile Research Institute Joint Stock Company in Ho Chi Minh City. Tên viết tắt là: VTRS	
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của VTRI (Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Điều 12 và 13 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14).	Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp 2020.	
Điều 3. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân 2. Tư cách pháp nhân: VTRI có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hiện hành của Nhà nước.	Điều 3. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân 2. Tư cách pháp nhân: VTRI có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hiện hành của Nhà nước.	Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp 2020.
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	

Điều 5. Vốn điều lệ và cổ phần 9. Cơ cấu Vốn điều lệ <table border="1"> <thead> <tr> <th>Vốn điều lệ của công ty</th><th>Số cổ phần</th><th>Tỷ lệ %</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Cổ phần nhà nước</td><td>2.872.700</td><td>57,46</td></tr> <tr> <td>2. Người lao động tại đơn vị</td><td>256.300</td><td>5,12</td></tr> <tr> <td><i>Ưu đãi theo năm làm việc</i></td><td><i>169.200</i></td><td><i>3,38</i></td></tr> <tr> <td><i>Mua thêm</i></td><td><i>87.100</i></td><td><i>1,74</i></td></tr> <tr> <td>3. Nhà đầu tư khác</td><td>1.871.000</td><td>37,42</td></tr> <tr> <td>Tổng cộng</td><td>5.000.000</td><td>100</td></tr> </tbody> </table>	Vốn điều lệ của công ty	Số cổ phần	Tỷ lệ %	1. Cổ phần nhà nước	2.872.700	57,46	2. Người lao động tại đơn vị	256.300	5,12	<i>Ưu đãi theo năm làm việc</i>	<i>169.200</i>	<i>3,38</i>	<i>Mua thêm</i>	<i>87.100</i>	<i>1,74</i>	3. Nhà đầu tư khác	1.871.000	37,42	Tổng cộng	5.000.000	100	Điều 5. Vốn điều lệ và cổ phần 9. Cơ cấu Vốn điều lệ <table border="1"> <thead> <tr> <th>Vốn điều lệ của công ty</th><th>Số cổ phần</th><th>Tỷ lệ %</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Cổ phần nhà nước</td><td>2.872.700</td><td>57,454</td></tr> <tr> <td>2. Nhà đầu tư khác</td><td>2127.300</td><td>42,546</td></tr> <tr> <td>Tổng cộng</td><td>5.000.000</td><td>100</td></tr> </tbody> </table>	Vốn điều lệ của công ty	Số cổ phần	Tỷ lệ %	1. Cổ phần nhà nước	2.872.700	57,454	2. Nhà đầu tư khác	2127.300	42,546	Tổng cộng	5.000.000	100	Rút gọn cơ cấu vốn điều lệ phù hợp với thực tế. Tổng số cổ phần và số lượng cổ phần nhà nước ko thay đổi nhưng tính lại chính xác tỉ lệ % tới 3 số thập phân
Vốn điều lệ của công ty	Số cổ phần	Tỷ lệ %																																	
1. Cổ phần nhà nước	2.872.700	57,46																																	
2. Người lao động tại đơn vị	256.300	5,12																																	
<i>Ưu đãi theo năm làm việc</i>	<i>169.200</i>	<i>3,38</i>																																	
<i>Mua thêm</i>	<i>87.100</i>	<i>1,74</i>																																	
3. Nhà đầu tư khác	1.871.000	37,42																																	
Tổng cộng	5.000.000	100																																	
Vốn điều lệ của công ty	Số cổ phần	Tỷ lệ %																																	
1. Cổ phần nhà nước	2.872.700	57,454																																	
2. Nhà đầu tư khác	2127.300	42,546																																	
Tổng cộng	5.000.000	100																																	
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu 1. Cổ phiếu là chứng chỉ do VTRI phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của VTRI. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.	Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu 1. Cổ phiếu là chứng chỉ do VTRI phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của VTRI. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.	Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của điều 121 Luật doanh nghiệp 2020.																																	
Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông 1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.	Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông 1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.	Điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của điều 132 Luật doanh nghiệp 2020.																																	

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT		
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		
Điều 27. Quyền hạn của Cổ đông 3.2 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp:	Điều 27. Quyền hạn của Cổ đông 3.2 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp:	Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của điều 115 và điều 140 Luật doanh nghiệp 2020.
Điều 29. Đại hội đồng cổ đông 3.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng bất kỳ Người quản lý nào vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.	Điều 29. Đại hội đồng cổ đông 3.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng bất kỳ Người quản lý nào vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.	Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của điều 165 Luật doanh nghiệp 2020. Quy định điều kiện để Ban Kiểm soát triệu tập cuộc họp theo điều 140 Luật doanh nghiệp 2020.
Điều 30. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 2.14 VTRI ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi (20)% tổng	Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 2.14 VTRI ký kết hợp đồng và giao dịch với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị hợp đồng, giao dịch khác	Điều chỉnh cho phù hợp và thuận lợi với công tác quản trị của Công ty;

giá trị tài sản của VTRI tính theo báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán;	có giá trị bằng hoặc lớn hơn Ba mươi lăm (35)% hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của VTRI tính theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán; 2.18 Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.	Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của điều 167 Luật doanh nghiệp 2020 Bổ sung cho phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 của điều 167 Luật doanh nghiệp 2020
Điều 34. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 34. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.	Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của điều 145 Luật doanh nghiệp 2020
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		

Điều 41. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được Đại hội đồng cổ đông bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Điều 41. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của điều 154 Luật doanh nghiệp 2020. Bổ sung Mục 2: Tiêu chuẩn thành viên độc lập của HĐQT, Bổ sung mục 3.
Điều 42. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: 3.2 Các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị 50% vốn điều lệ trở xuống 35% tổng giá trị tài sản trở xuống tổng giá trị tài sản trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của VTRL. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch có giá trị tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp; 3.14 Cử hoặc thuê người có đủ năng lực, trình độ, đạo đức, sức khỏe đáp ứng được yêu cầu công việc làm Giám đốc Viện, Phó Giám đốc Viện;	Điều 42. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt: 3.2 Các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị 35% tổng giá trị tài sản trở xuống tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán của VTRL. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; 3.14 Cử hoặc thuê người có đủ năng lực, trình độ, đạo đức, sức khỏe đáp ứng được yêu cầu công việc làm Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc Công ty;	Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp 2020. Cập nhật lại cho phù hợp với quy định tại điểm h, khoản 2 điều 153 Luật doanh nghiệp 2020

3.15 Phê duyệt phương án tổ chức, sản xuất kinh doanh của chi nhánh (Phân Viện nghiên cứu dệt may tại TP.HCM) theo đề nghị của Giám đốc Viện; 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: 4.3 Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);	3.15 Phê duyệt phương án tổ chức, sản xuất kinh doanh của Chi nhánh theo đề nghị của Giám đốc Công ty; 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt: 4.3 Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 và điều 138 Luật Doanh nghiệp năm 2020 phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);	
Điều 43. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện pháp luật không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Viện.	Điều 43. Chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện pháp luật.	Hiệu đính chức danh phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty
VIII. BAN KIỂM SOÁT Điều 45. Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp	VIII. BAN KIỂM SOÁT Điều 45. Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp	Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của điều 170

và Điều lệ này, chủ yếu là các trách nhiệm và quyền hạn sau đây: 1.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành VTRI; Giám sát việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. 1.7 Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của Người quản lý của VTRI quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp, Điều 51 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 4. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến các hoạt động của VTRI theo yêu cầu của Ban kiểm soát; và Thư ký VTRI phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị. 6.2 Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc viên và	và Điều lệ này, chủ yếu là các trách nhiệm và quyền hạn sau đây: 1.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành VTRI; Giám sát việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. 1.7 Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của Người quản lý của VTRI quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 4. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến các hoạt động của VTRI theo yêu cầu của Ban kiểm soát; và Thư ký VTRI phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị. 6.2 Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty	Luật doanh nghiệp 2020 Hiệu đính chức danh phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty
--	---	--

Người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;	và Người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
IX. GIÁM ĐỐC VIỆN, BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ THỦ KÝ VTRI	
Điều 46. Tổ chức bộ máy quản lý VTRI Hệ thống quản lý của VTRI phải bảo đảm bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. VTRI có một (01) Giám đốc Viện, các Phó Giám đốc Viện, một (01) Giám đốc điều hành và một (01) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Viện (gọi chung là Lãnh đạo Viện). Giám đốc Viện và các Phó Giám đốc Viện, Giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức, theo đó: 1. Phó Giám đốc Viện và Giám đốc điều hành là người giúp Giám đốc Viện một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc Viện, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc được phân công và ủy quyền. 2. Kế toán trưởng là người giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Viện chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, tài chính, thống kê; chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính, kế toán	Điều 46. Tổ chức bộ máy quản lý VTRI Hệ thống quản lý của VTRI phải bảo đảm bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. VTRI có một (01) Giám đốc Công ty, các Phó Giám đốc Công ty và một (01) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty (gọi chung là Ban Giám đốc). Giám đốc và các Phó Giám đốc Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức, theo đó: 1. Phó Giám đốc Công ty là người giúp Giám đốc Công ty một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc Công ty; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc được phân công và ủy quyền. 2. Kế toán trưởng là người giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, tài chính, thống kê; chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính, kế toán của

của VTRI theo đúng quy định của Pháp luật. 3. Theo đề nghị của Giám đốc Viện và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông), VTRI sẽ có một số lượng nhất định các vị trí Người quản lý cần cần thiết và thích hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý VTRI do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm. Người quản lý phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của VTRI đạt được các mục tiêu đề ra. 4. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc Viện sẽ do Hội đồng quản trị quyết định; hợp đồng của những Người quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định, mức lương và các chế độ do Giám đốc Viện đề xuất và Hội đồng quản trị phê duyệt.	VTRI theo đúng quy định của Pháp luật. 3. Theo đề nghị của Giám đốc Công ty và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông), VTRI sẽ có một số lượng nhất định các vị trí Người quản lý cần thiết và thích hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý VTRI do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm. Người quản lý phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của VTRI đạt được các mục tiêu đề ra. 4. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định; hợp đồng của những Người quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định, mức lương và các chế độ do Giám đốc Công ty đề xuất và Hội đồng quản trị phê duyệt.
Điều 47. Giám đốc Viện 1. Bổ nhiệm: 1.1 Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Giám đốc Viện và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. 1.2 Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc Viện: a, Có đủ năng lực, hành vi và không thuộc những đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;	Điều 47. Giám đốc Công ty 1. Bổ nhiệm: 1.1 Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. 1.2 Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc Công ty: a, Có đủ năng lực, hành vi và không thuộc những đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;

Hiệu đính chức danh phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty

Điều chỉnh cho phù hợp và thuận lợi với công tác quản trị của Công ty

b, Có trình độ từ Thạc sĩ trở lên và có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dệt may, có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề hoạt động nghề nghiệp của VTRI. 2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Giám đốc Viện không quá (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. 3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Giám đốc Viện có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: 3.1 Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; Kế hoạch nghiên cứu khoa học; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của Viện đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; 3.2 Quyết định các vấn đề, không cần có ý kiến của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt VTRI ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, hợp đồng nghiên cứu khoa học, giao dịch với người đại diện theo pháp luật ủy quyền; Được sử dụng toàn bộ các nguồn lực của Viện để tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của VTRI theo những thông lệ quản lý tốt nhất;	b, Có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề hoạt động chính của VTRI. 2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. 3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Giám đốc Công ty có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: 3.1 Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; Kế hoạch nghiên cứu khoa học; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; 3.2 Quyết định các vấn đề, không cần có ý kiến của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt VTRI ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, hợp đồng nghiên cứu khoa học, giao dịch quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp khi được người đại diện theo pháp luật ủy quyền; Được sử dụng toàn bộ các nguồn lực của Công ty để tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của VTRI theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
--	--

3.4 Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Giám đốc Viện phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;

3.9 Giám đốc Viện sẽ là người đại diện cho VTRI để thực hiện việc tuyển dụng và ký kết các hợp đồng lao động;

3.10 Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thì Giám đốc Viện có thể ủy quyền cho cá nhân và/hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm;

3.11 Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của VTRI theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của VTRI do Hội đồng quản trị ban hành, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với VTRI. Nếu điều hành trái với quy định trên mà gây thiệt hại cho VTRI thì Giám đốc Viện phải chịu trách nhiệm trước pháp luật (nếu có) và phải bồi thường thiệt hại cho VTRI;

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ đông:

Giám đốc Viện chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

3.4 Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Giám đốc Công ty phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;

3.9 Giám đốc Công ty sẽ là người đại diện cho VTRI để thực hiện việc tuyển dụng và ký kết các hợp đồng lao động;

3.10 Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thì Giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho cá nhân và/hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm;

3.11 Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của VTRI theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của VTRI do Hội đồng quản trị ban hành, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với VTRI. Nếu điều hành trái với quy định trên mà gây thiệt hại cho VTRI thì Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật (nếu có) và phải bồi thường thiệt hại cho VTRI;

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ đông:

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm, miễn nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Viêntheo hình thức biểu quyết quy định tại khoản 8 Điều 44 của Điều lệ này và bổ nhiệm một Giám đốc Viênmới thay thế. 6. Giám đốc Viêncó thể bị Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:	5. Bãi nhiệm, miễn nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Công ty theo hình thức biểu quyết quy định tại khoản 8 Điều 44 của Điều lệ này và bổ nhiệm một Giám đốc Công ty mới thay thế. 6. Giám đốc Công ty có thể bị Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
CHƯƠNG X: NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viên và Người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho VTRI vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viên và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Nội dung Thông báo bao gồm: 2.2 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho VTRI vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Nội dung Thông báo bao gồm: 2.2 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký

doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên năm (05)% Vốn điều lệ.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo tới VTRI trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được lưu giữ tại trụ sở chính của VTRI. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của VTRI đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị

doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên năm (05)% Vốn điều lệ.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo tới VTRI trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được lưu giữ tại trụ sở chính của VTRI. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của VTRI đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu

thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về VTRI. 3. VTRI không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 4. Theo Điều 162 Luật Doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa VTRI và các đối tượng sau đây: 4.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ; hoặc 4.3 Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện và Người quản lý khác có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; doanh nghiệp mà Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện và Người quản lý khác cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên năm (5)% Vốn điều lệ; Sẽ không bị vô hiệu hóa, nếu: Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn hai mươi(20)% tổng giá trị tài sản của VTRI ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán và nội dung của hợp đồng	nhập có được từ hoạt động đó thuộc về VTRI. 3. VTRI không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 4. Theo Điều 167 Luật Doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa VTRI và các đối tượng sau đây: 4.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ; hoặc 4.3 Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; doanh nghiệp mà Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên năm (5)% Vốn điều lệ; Sẽ không bị vô hiệu hóa, nếu: Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng	Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của điều 167 Luật doanh nghiệp 2020 Điều chỉnh cho phù hợp và thuận lợi với công tác quản trị của Công ty
---	---	---

hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Hội đồng quản trị ra quyết định chấp thuận và cho phép thực hiện;	Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng hai mươi (20)% tổng giá trị tài sản của VTRI ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán và các hợp đồng hoặc giao dịch khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và những nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Đại hội đồng chấp thuận và cho phép thực hiện.	Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ không được sử dụng thông tin chưa được phép công bố của VTRI hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện, Người quản lý khác hay Người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của VTRI vào bất cứ
giá trị tài sản của VTRI ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán và nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Hội đồng quản trị ra quyết định chấp thuận và cho phép thực hiện;	Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm (35)% hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản của VTRI ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán và các hợp đồng hoặc giao dịch khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và những nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và cho phép thực hiện.	Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của VTRI hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác hay Người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình

Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của điều 167 Luật doanh nghiệp 2020

thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này. 6. Về trách nhiệm bồi thường trong trường hợp thực hiện giao dịch chưa được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng/Hội đồng quản trị chấp thuận: hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật của Pháp luật khi được chấp thuận theo quy định tại khoản 4 Điều này. Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện và Người quản lý khác có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VTRI các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	thức nào khác các cổ phiếu của VTRI vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này. 6. Về trách nhiệm bồi thường trong trường hợp thực hiện giao dịch chưa được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị chấp thuận: hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được chấp thuận theo quy định tại khoản 4 Điều này. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VTRI các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	Hiệu đính chức danh phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty
Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện và Người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. 2. Bồi thường: VTRI sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có thể trở thành một bên liên quan trong	Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. 2. Bồi thường: VTRI sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có thể trở thành một bên liên quan trong các	

các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do VTRI là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác, nhân viên VTRI hoặc người đại diện được ủy quyền của VTRI, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của VTRI với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác, nhân viên, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cản vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của VTRI, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép. VTRI có quyền mua bảo hiểm trách nhiệm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do VTRI là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác, nhân viên VTRI hoặc người đại diện được ủy quyền của VTRI, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của VTRI với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác, nhân viên, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cản vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của VTRI, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép. VTRI có quyền mua bảo hiểm trách nhiệm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.
XIV. BÁO CÁO ĐỊNH KỲ, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	Điều 56. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý 1. VTRI sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm báo cáo của VTRI và
Cập nhật lại cho phù hợp với hoạt động	1. VTRI sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm báo cáo của VTRI và báo cáo

báo cáo tài chính hợp nhất) theo quy định của Pháp luật của Pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 59 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho Cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh doanh thu và lợi nhuận thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của VTRI trong năm tài chính, Bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của VTRI cho đến thời điểm lập báo cáo, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. 2. VTRI phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu (06) tháng (báo cáo tài chính hợp nhất) và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho Cơ quan thuế có thẩm quyền và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. 3. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo năm, sáu (06) tháng của VTRI phải được công bố trên website	tài chính hợp nhất) theo quy định của Pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 59 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho Cơ quan thuế có thẩm quyền và Cơ quan đăng ký kinh doanh. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của VTRI trong năm tài chính, Bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của VTRI cho đến thời điểm lập báo cáo, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. 2. VTRI phải lập và công bố các báo cáo tài chính năm (báo cáo tài chính hợp nhất) cho Cơ quan thuế có thẩm quyền và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. 3. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) báo cáo năm của VTRI phải được công bố trên website của VTRI.	của công ty; Bộ nội dung cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán theo văn bản 2321/UBCK-GSDC ngày 27/4/2022 của UBCKNN v.v hủy tư cách công ty đại chúng). Cập nhật lại cho phù hợp với hoạt động của công ty; Bộ nội dung VTRI phải lập và công bố các báo cáo tài chính năm
---	--	--

của VTRI.

Điều 57. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (nếu có) và nộp cho Cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 57. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được nộp cho Cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo văn bản 2321/UBCK-GSĐC ngày 27/4/2022 của UBCKNN vv hủy tư cách công ty đại chúng).

Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của điều 176 Luật doanh nghiệp 2020;

Bộ nội dung Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải công bố ra công chúng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo văn bản 2321/UBCK-GSĐC ngày 27/4/2022 của UBCKNN vv hủy tư cách công ty đại

chúng).		
Bổ nội dung: về chứng khoán và thị trường chứng khoán theo văn bản 2321/UBCK-GSDC ngày 27/4/2022 của UBCKNN vv hủy tư cách công ty đại chúng).	Điều 58. Báo cáo thường niên VTRI phải lập và công bố Báo cáo thường niên cho cổ đông theo các quy định của Pháp luật.	Điều 58. Báo cáo thường niên VTRI phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
Hiệu đính chức danh phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty.	Điều 60. Con dấu 2. Giám đốc Công ty có trách nhiệm giữ gìn, quản lý con dấu và con dấu sẽ được sử dụng theo Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của VTRI.	Điều 60. Con dấu 2. Giám đốc Viện có trách nhiệm giữ gìn, quản lý con dấu và con dấu sẽ được sử dụng theo Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của VTRI.
Hiệu đính chức danh phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty.	Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1.2 Một Cổ đông hay các Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hay Người quản lý khác.	Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1.2 Một Cổ đông hay các Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Viện hay Người quản lý khác.
Hiệu đính chức danh phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty	Điều 64. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội 3. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của VTRI với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những	Điều 64. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội 3. Giám đốc Viện phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của VTRI với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt

nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của VTRI và quy định của Pháp luật hiện hành.	thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của VTRI và quy định của Pháp luật hiện hành.
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	
Điều 66. Ngày hiệu lực 1. Điều lệ này bao gồm 20 chương và 66 điều, được Đại hội đồng cổ đông VTRI thông qua tại Nghị quyết số 306/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/9/2018 và có hiệu lực từ ngày 20/9/2018. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT Phạm Văn Lượng	Điều 66. Ngày hiệu lực 1. Điều lệ này bao gồm 21 chương và 66 điều, được ĐHĐCĐ VTRI thông qua tại Nghị quyết số/NQ-ĐHĐCĐ ngày/4/2022 và có hiệu lực từ ngày/4/2022. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT Phạm Văn Lượng

BỘ CÔNG THƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

Hà Nội, tháng 4/2022

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ này được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần (CTCP) – Viện Nghiên cứu Dệt May;

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - 1.1 “Viện”: “CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY”;
- Tên giao dịch Quốc tế: VIETNAM TEXTILE RESEARCH INSTITUTE JOINT STOCK COMPANY (VTRI);
 - 1.2 “Địa bàn kinh doanh”: Phạm vi địa lý mà Viện thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;
 - 1.3 “Vốn điều lệ”: Tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;
 - 1.4 Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) tại từng thời điểm;
 - 1.5 “Luật Chứng khoán”: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các Luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm;
 - 1.6 Người quản lý doanh nghiệp: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ này;
 - 1.7 “Ngày thành lập”: Ngày được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu của Viện hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần;
 - 1.8 Văn bản quy phạm pháp luật: Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (nếu có) tại từng thời điểm;
 - 1.9 Người có liên quan: Bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 45, 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;
 - 1.10 “Cổ đông”: Mọi cá nhân hay tổ chức được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của VTRI; hoặc một hồ sơ, tài liệu tương tự theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và

thị trường chứng khoán khi VTRI thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;

1.11 “Thời hạn hoạt động”: Thời hạn hoạt động của VTRI được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và có thể được thay đổi thông qua một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

1.12 “Việt Nam”: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

1.13 “Người đại diện theo ủy quyền”: Người được Cổ đông là tổ chức ủy quyền bằng văn bản hoặc ủy quyền hợp pháp để thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật;

1.14 “Người được ủy quyền dự họp”: Người được Cổ đông (*tổ chức hoặc cá nhân*) hoặc Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông ủy quyền hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

1.15 “Chi nhánh”: Đơn vị phụ thuộc của VTRI được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam hoặc nước ngoài, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của VTRI kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của Chi nhánh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của VTRI;

1.16 “Quy chế quản trị nội bộ” là quy chế nội bộ về quản trị công ty của VTRI, được xác lập theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

2. Các tiêu đề (*chương, điều của Điều lệ này*) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi, không ảnh hưởng tới bản chất của nội dung và cấu trúc của Điều lệ.

3. Các từ hoặc thuật ngữ nào được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (*nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh*) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

4. Trong Điều lệ này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được dẫn chiếu sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của chúng.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, Người đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của VTRI

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính

a) Tên tiếng Việt: **Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May;**

b) Loại hình hoạt động: **Công ty cổ phần;**

c) Tên giao dịch quốc tế: **VIETNAM TEXTILE RESEARCH INSTITUTE
JOINT STOCK COMPANY;**

d) Tên viết tắt là: **VTRI;**

e) Trụ sở chính: 478 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;

f) Điện thoại: (84-24) 38624025; Fax: (84-24) 38622867;

g) Website: www.viendetmay.org.vn

Biểu tượng Logo của Công ty:



h) Email: info@viendetmay.org.vn;

Chi nhánh Công ty cổ phần – Viện Nghiên cứu Dệt May tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Tên tiếng Anh: Branch of Vietnam Textile Research Institute Joint Stock Company in HCM City.

Tên viết tắt là: **VTRSI**

Địa chỉ: 345/128A Trần Hưng Đạo, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-28) 39201396

Fax: (84-28) 39202215

Email: trsi@hcm.vnn.vn

Website: www.phanviendetmay.org.vn

2. VTRI sau khi cổ phần hóa có tư cách pháp nhân theo Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; có con dấu riêng; được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của Pháp luật; tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật có liên quan. Công ty kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của VTRI trước khi chuyển đổi, được tiếp tục kinh doanh các ngành nghề hiện VTRI đang thực hiện và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Pháp luật.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của VTRI (*Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Điều 12 và 13 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14*).

4. VTRI có thể thành lập Chi nhánh, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi các đơn vị trực thuộc VTRI tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của VTRI, phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và theo quy định của Pháp luật.

5. Thời hạn hoạt động của VTRI là vô thời hạn trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác đi.

Điều 3. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân

1. Hình thức tổ chức: VTRI được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Viện Dệt May là đơn vị sự nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Công ty có vốn điều lệ thuộc sở hữu các cổ đông của Công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó. Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Tư cách pháp nhân: VTRI có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của VTRI

1. Mục tiêu

Xây dựng và phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong lĩnh vực dệt may và hàng tiêu dùng, thông qua việc:

1.1 Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, các sản phẩm công nghệ mới có khả năng cạnh tranh vào sản xuất công nghiệp;

1.2 Cung cấp các dịch vụ KHCN về thử nghiệm, chứng nhận, giám định, tư vấn;

1.4 Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực dệt may;

1.4 Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Công ty; Tối đa hoá hiệu quả sản xuất, kinh doanh của công ty;

1.5 Phát huy nguồn lực, lợi thế thương hiệu, vị trí địa lý để tạo tiềm lực tài chính cho Công ty phát triển khoa học công nghệ và đào tạo; tiến tới phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp khoa học công nghệ mạnh, có tiềm lực về tài chính, khoa học & công nghệ, năng lực quản lý, điều hành.

2. Ngành nghề kinh doanh

2.1 Các ngành nghề kinh doanh chính gồm:

<i>Stt</i>	<i>Tên ngành, nghề kinh doanh</i>	<i>Mã ngành, nghề kinh doanh</i>
1	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật Chi tiết: - Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học và kỹ thuật; - Nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên; - Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ; - Nghiên cứu và phát triển các lĩnh vực học thuật, tính ưu thế trong khoa học và kỹ thuật tự nhiên.	7210 (lĩnh vực chính)
2	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: - Kiểm tra, thử nghiệm cơ, lý, hóa, sinh các sản phẩm dệt may, da giày, giấy, đồ chơi, polime, kim loại, các sản phẩm tiêu dùng khác và môi trường - Kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị đo lường - Giám định, chứng nhận các sản phẩm dệt may, da giày, giấy, đồ chơi, polime, các sản phẩm tiêu dùng khác và môi trường. - Phân tích lỗi.	7120
3	Sản xuất sợi	1311
4	Sản xuất vải dệt thoi	1312
5	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
6	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
7	Sản xuất hàng dệt sẵn (<i>trừ trang phục</i>)	1392
8	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
9	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
10	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang, không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính; - Sản xuất đồ tĩa trang trí: Vải viền, quả tua; - Sản xuất nỉ; - Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu đăng ten rời để trang trí; - Sản xuất tấm dệt được tẩm, được phủ hoặc tráng nhựa; - Sản xuất sợi dệt được tráng phủ hoặc bọc bằng cao su hoặc nhựa; - Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như:	1399

	Quần áo đi sãn, vải buồm, lều bạt, vải dùng cho họa sỹ, vải thô và các loại vải hồ cứng,... - Sản xuất vải quần áo dễ co giãn; - Sản xuất vải dùng vẽ tranh sơn dầu và vải vẽ kỹ thuật; - Sản xuất dây giày; - Sản xuất bông đánh phấn và găng tay;	
11	Máy trang phục (<i>trừ trang phục từ da lông thú</i>)	1410
12	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
13	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
14	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
15	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
16	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
17	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
18	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
19	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép: Chi tiết: - Bán buôn vải - Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác - Bán buôn hàng may mặc - Bán buôn giày dép	4641
20	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày	4659
21	Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: - Bán buôn hóa chất công nghiệp - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
22	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh: Chi tiết: - Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
23	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
24	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy.	5229
25	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Nhà không phải để ở gồm: Khu triển lãm, nhà kho, nơi dạo mát	6810

	và trung tâm thương mại; - Cung cấp nhà, căn hộ có đồ đạc hoặc chưa có đồ đạc hoặc các phòng sử dụng lâu dài, theo tháng hoặc năm; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; - Kinh doanh bất động sản (Luật kinh doanh bất động sản).	
26	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Tư vấn về quy trình giám định các loại hàng hóa, công nghệ quy trình kiểm soát và tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn, chất lượng và trách nhiệm xã hội; - Tư vấn quản lý nguồn nhân lực; - Tư vấn quản lý sản xuất; - Tư vấn về hệ thống quản lý chất lượng.	7020
27	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
28	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác.	7410
29	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ chuyển giao công nghệ bao gồm: Môi giới chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Đánh giá công nghệ; Định giá công nghệ; Giám định công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ (Trong lĩnh vực dệt may và hàng tiêu dùng); - Dịch vụ tư vấn, đào tạo, áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế, tư vấn về chất lượng hàng hóa; - Dịch vụ tư vấn kỹ thuật và công nghệ; - Dịch vụ tư vấn, lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: Tư vấn, giám sát lắp đặt thiết bị.	7490
30	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại).	8299
31	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
32	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
33	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620

2.2 Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh và đăng ký mã ngành theo quy định của Pháp luật.

3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

3.1 VTRI được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của VTRI.

3.2 VTRI có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà Pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ và cổ phần

1. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của VTRI là 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng chẵn*). Vốn điều lệ của VTRI được chia thành 5.000.000 (*Năm triệu*) cổ phần với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần (*Mười nghìn đồng/cổ phần*).
2. Tất cả các cổ phần được phát hành vào ngày thông qua bản Điều lệ đầu tiên của VTRI đều là cổ phần phổ thông, không có cổ đông sáng lập, kể cả các cổ phần do Nhà nước sở hữu. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 27, Điều 28 của Điều lệ này.
3. VTRI chỉ có thể tăng Vốn điều lệ của mình khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật trừ quy định tại khoản 7 và 8 Điều này.
4. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, VTRI có thể phát hành cổ phần ưu đãi phù hợp với các quy định của Pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong VTRI, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. VTRI phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (*không ít hơn hai mươi một (21) ngày hoặc thời hạn khác theo quy định của Pháp luật*), để Cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được đặt mua theo thông báo chào bán sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ khi các Cổ đông chấp thuận khác đi hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán.
6. VTRI có thể mua cổ phần của chính mình bằng bất kỳ cách nào mà Pháp luật cho phép và nếu phù hợp, trong phạm vi tất cả các thẩm quyền quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Bất kỳ cổ phần nào được VTRI mua lại (*cổ phiếu quỹ*) đều có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của Pháp luật.
7. Khi có sự phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người sở hữu chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của Pháp luật.
8. Trong các trường hợp sau Vốn điều lệ tăng mà không cần Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu của VTRI và/hoặc trái phiếu kèm theo các chứng quyền đặt mua cho phép người sở hữu chứng quyền được mua cổ phần của VTRI, thì cũng coi như đã thông qua việc điều chỉnh Vốn điều lệ tương ứng vào thời điểm người sở hữu các trái phiếu nêu trên thực hiện quyền chuyển đổi và/hoặc quyền đặt mua theo quy định của

phương án phát hành đã được phê duyệt. Vốn điều lệ của VTRI sẽ được tăng lên tương ứng với số cổ phần đã được chuyển đổi hoặc đặt mua mà không cần phải xin thêm chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp đó, Hội đồng quản trị coi như đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền để thực hiện các thủ tục hoàn tất các vấn đề có liên quan để điều chỉnh Vốn điều lệ tương ứng.

9. Cơ cấu Vốn điều lệ

<i>Vốn điều lệ của công ty</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
1. Cổ phần nhà nước	2.872.700	57,454
2. Nhà đầu tư khác	2127.300	42,546
Tổng cộng	5.000.000	100

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do VTRI phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của VTRI. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
2. Riêng đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi (nếu có) của VTRI còn có các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh nghiệp.
3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này, Cổ đông của VTRI được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của VTRI hoặc ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của VTRI, Cổ đông không phải trả cho VTRI chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu bị rách, hoặc bị tẩy xóa, hoặc bị mất, hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người sở hữu cổ phần theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải chứng minh được (trong trường hợp chứng chỉ cũ bị mất hoặc bị tiêu hủy) và thanh toán các chi phí cho VTRI theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.
6. Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của VTRI (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp Pháp luật liên quan đến các chứng chỉ có quy định khác, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật của VTRI.
7. Trong khuôn khổ các quy định của Pháp luật và thị trường chứng khoán, VTRI có thể phát hành cổ phần không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần này được chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tại Điều này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và và Pháp luật có quy định khác. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký

vào Sổ đăng ký cổ đông của VTRI. Cổ phiếu đăng ký giao dịch/niêm yết trên Sổ giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần ưu đãi được thực hiện theo quy định riêng đối với từng loại cổ phần ưu đãi.

Điều 8. Thừa kế cổ phần

1. VTRI tôn trọng quyền thừa kế cổ phần và việc thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác có liên quan.

2. Trong trường hợp Cổ đông qua đời, VTRI công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của Cổ đông đã qua đời:

2.1 Người thừa kế theo di chúc hoặc người thừa kế theo pháp luật;

2.2 Trường hợp có nhiều người cùng có quyền thừa kế cổ phần của Cổ đông đã qua đời thì họ phải cử một (01) người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có xác nhận của công chứng và tuân thủ những quy định trong Điều lệ này. VTRI không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế.

3. Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế để trở thành Cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của Cổ đông, không miễn trừ trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà Cổ đông đã qua đời đã từng sở hữu.

4. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cũng được thừa kế theo quy định của Pháp luật và Điều lệ VTRI, nhưng người nhận thừa kế cổ phần không đương nhiên thừa kế quyền là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

5. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Nếu một Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn (theo quy định tại Luật Doanh nghiệp) số tiền mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị có thể gửi thông báo cho Cổ đông đó vào bất kỳ thời điểm nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất lũy kế (nếu có) trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán gây ra cho VTRI.

2. Nếu các yêu cầu của bất kỳ một thông báo nào nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo đó vào bất kỳ thời điểm nào trước khi Cổ đông thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

3. Một cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đa sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, VTRI phải đăng

ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 113 Luật Doanh nghiệp.

4. Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho VTRI tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho VTRI cộng với lãi suất theo tỷ lệ tại nghị quyết của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp; có thể miễn, giảm việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 10. Chào bán trái phiếu riêng lẻ

1. Công ty cổ phần có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác thì Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.
5. Trường hợp công ty cổ phần phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

Điều 11. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của công ty cổ phần có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong

thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 13. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (*của cổ đông là cá nhân*); tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (*của cổ đông là tổ chức*); số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của VTRI bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Ban Giám đốc Công ty;
5. Các Phòng Ban chuyên môn, nghiệp vụ, Xưởng Thực nghiệm.

CHƯƠNG IV LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG

Điều 15. Lao động và tuyển dụng lao động

Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động thực hiện theo Bộ Luật Lao động; Thỏa ước lao động tập thể và Hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc Công ty với người lao động không trái với quy định pháp luật hiện hành và quy chế của công ty.

Giám đốc Công ty có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty và phù hợp với quy định của Bộ Luật Lao động, quy định của công ty không trái với quy định pháp luật hiện hành.

Điều 16. Tiền lương

Tiền lương, các khoản phụ cấp lương và tiền thưởng đối với người lao động được trả theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, phù hợp với quy định của Bộ Luật Lao động, pháp luật có liên quan và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 17. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động

1. Quyền lợi: Người lao động trong Công ty cổ phần được hưởng quyền lợi theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật về lao động.

Người lao động được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Khen thưởng và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm: Người lao động phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ, Nội quy lao động hợp pháp của Công ty đã đăng ký tại cơ quan quản lý lao động địa phương theo quy định của pháp luật lao động và các quy chế của Công ty phù hợp với quy định pháp luật có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Giám đốc Công ty có quyền xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo Nội quy lao động của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 18. Quyền của Công ty trong hoạt động Khoa học Công nghệ và Đào tạo

1. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ đã đăng ký; ký kết hợp đồng khoa học công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực về khoa học công nghệ;

2. Thành lập các Tổ chức nghiên cứu, phát triển khoa học & công nghệ, các cơ sở đào tạo theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Giáo dục và các quy định khác của pháp luật;

3. Công ty được tham gia tuyển chọn hoặc được giao chủ trì các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp Nhà nước và các dự án thuộc các chương trình kinh tế - kỹ thuật của Nhà nước. Công ty được tổ chức đào tạo, phối hợp với các cơ sở đào tạo trong lĩnh vực dệt may theo quy định của pháp luật.

4. Công ty được Nhà nước cho phép áp dụng một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong việc sử dụng các Phòng thí nghiệm chuyên ngành, tài sản kết quả khoa học công nghệ để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học công nghệ và đào tạo, cụ thể gồm:

4.1 Thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ, nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm, nhiệm vụ khoa học công nghệ phục vụ lợi ích chung của xã hội;

4.2 Đào tạo, đào tạo lại nhân lực về khoa học công nghệ ở trong nước và ở nước ngoài; đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, những người có trình độ cao, kỹ thuật viên lành nghề;

4.4 Duy trì và phát triển tiềm lực khoa học công nghệ của Công ty;

4.4 Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ công tác nghiên cứu khoa học công nghệ và đào tạo của Công ty;

4.5 Đầu tư phát triển khoa học công nghệ nhằm đổi mới công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm.

5. Hợp tác, liên doanh, nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân; góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ để tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ và sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật;

6. Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học công nghệ theo quy định của pháp luật;

7. Được hưởng chế độ ưu đãi về thuế, tín dụng và các ưu đãi khác khi ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ để đổi mới công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm theo Luật Khoa học và Công nghệ;

8. Được thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với Luật Khoa học và Công nghệ và Nghị định của Chính phủ về Doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

9. Phát triển hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ:

9.1 Được phép mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ với các tổ chức, cá nhân nước ngoài, các tổ chức quốc tế, theo quy định của pháp luật, đảm bảo nguyên tắc độc lập, chủ quyền quốc gia, bình đẳng và cùng có lợi;

9.2 Được nhận tài trợ, tham gia tổ chức khoa học công nghệ, hội thảo khoa học công nghệ, tham gia hoạt động tư vấn, đào tạo, nghiên cứu, hội nghị khoa học công nghệ của các tổ chức quốc tế, tổ chức cá nhân nước ngoài; hợp tác thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ của Việt Nam ở nước ngoài.

10. Công bố kết quả hoạt động khoa học công nghệ theo quy định của Luật báo chí, Luật xuất bản và các quy định khác của pháp luật;

11. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Nghĩa vụ của Công ty trong hoạt động khoa học công nghệ và đào tạo

1. Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các công nghệ mới, vào các sản phẩm của ngành dệt may, nhằm tạo khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước, khu vực và quốc tế;

2. Thực hiện hợp đồng khoa học công nghệ đã ký kết, nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký và do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao; sử dụng có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước;

3. Góp phần xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước;

4. Đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực về khoa học công nghệ trong nước;

5. Bảo vệ lợi ích của đất nước và xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân hoạt động khoa học công nghệ trong Công ty; giữ bí mật khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;

6. Thực hiện dân chủ, bình đẳng, công khai trong việc bố trí và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Các quyền cơ bản của công ty

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp;
2. Lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất và ngành nghề kinh doanh;
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;
4. Lựa chọn hình thức và cách huy động vốn;
5. Kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu;
6. Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;
7. Tự chủ kinh doanh, áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;
8. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kì cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;
9. Phát hành cổ phiếu và trái phiếu theo quy định tại Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật;
10. Các quyền khác quy định tại Điều lệ này hoặc được pháp luật quy định.

Điều 21. Quyền quản lý và sử dụng các nguồn lực của công ty

1. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác thuộc quyền quản lý sở hữu của Công ty; quyền sử dụng đất của công ty (*sau đây gọi tắt là các nguồn lực của công ty*) theo quy định của pháp luật để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của công ty.
2. Công ty có quyền phân, giao lại và điều chỉnh những nguồn lực đã phân, giao cho các đơn vị thành viên trong trường hợp cần thiết, phù hợp với kế hoạch phát triển chung của toàn công ty.
3. Công ty có quyền đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.
4. Công ty có quyền chuyển nhượng, thay thế, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty. Đối với đất đai của công ty thuộc quyền sử dụng của công ty thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 22. Quyền tổ chức quản lý, tổ chức hoạt động kinh doanh

Công ty có quyền tổ chức quản lý, tổ chức điều hành các hoạt động kinh doanh tại công ty như sau:

1. Tổ chức bộ máy quản lý, bố trí sử dụng lao động, tổ chức hoạt động kinh doanh, xuất - nhập khẩu phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp trình độ, năng lực sản xuất và quản lý;
3. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty ở trong nước và ở ngoài nước theo quy định của pháp luật;
4. Mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh theo khả năng của công ty và nhu cầu của thị trường;
5. Tổ chức mở rộng kinh doanh những ngành nghề khác nếu Hội đồng quản trị xét thấy có lợi cho Công ty và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bổ sung;

6. Mời và tiếp đối tác kinh doanh nước ngoài đến làm việc với công ty ở Việt Nam theo quy định về tiếp khách của công ty và phù hợp với quy định của pháp luật;
7. Quyết định cử người của công ty ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan khảo sát phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 23. Quyền quản lý tài chính

Công ty có quyền quản lý tài chính như sau:

1. Được sử dụng vốn và các quỹ của công ty để phục vụ các nhu cầu kinh doanh đảm bảo hiệu quả. Trường hợp cần sử dụng các nguồn vốn, quỹ khác trái với mục đích sử dụng thì phải tuân theo nguyên tắc hoàn trả.
2. Tự huy động vốn để hoạt động kinh doanh nhưng không làm thay đổi hình thức sở hữu; được phát hành trái phiếu và cổ phiếu theo quy định của pháp luật.
3. Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá, chế độ ưu đãi đầu tư hoặc tái đầu tư hoặc các chế độ ưu đãi khác theo quy định của Nhà nước;
4. Được thành lập, quản lý và sử dụng các quỹ tập trung theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế tài chính Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 24. Các nghĩa vụ cơ bản của công ty

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng các ngành nghề đã đăng ký;
2. Lập chứng từ kế toán, sổ kế toán và lập báo cáo tài chính đảm bảo chính xác, trung thực, kịp thời;
3. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm chất lượng hàng hoá theo tiêu chuẩn đã đăng ký;
5. Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh;
6. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, đảm bảo quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; tôn trọng quyền của tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác theo quy định của pháp luật;
7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh;
8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật hiện hành.

Điều 25. Nghĩa vụ quản lý và sử dụng các nguồn lực

1. Công ty có nghĩa vụ sử dụng có hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn điều lệ của Công ty, bao gồm cả phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, liên doanh; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực khác của công ty để thực hiện mục tiêu kinh doanh và những nhiệm vụ khác được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị quyết định;

2. Công ty có nghĩa vụ thực hiện:

2.1 Các khoản nợ phải thu, phải trả ghi trong Bảng cân đối kế toán của công ty tại thời điểm cổ phần hóa công ty;

2.2 Trả các khoản tín dụng mà công ty đang sử dụng;

2.3 Sử dụng và sắp xếp, đào tạo lại số lao động hiện đang làm việc tại công ty hoặc tuyển dụng thêm tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần cho phù hợp với kế hoạch kinh doanh và quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 26. Các nghĩa vụ khác

Công ty có nghĩa vụ công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin để đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của công ty theo quy định của pháp luật và của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VTRI

Điều 27. Quyền hạn của Cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu VTRI và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. VTRI không có cổ đông sáng lập. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của VTRI trong phạm vi các cổ phần mà Cổ đông đó sở hữu.
2. Người sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - 2.1 Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; Mỗi cổ phần có một phiếu biểu quyết;
 - 2.2 Nhận cổ tức với mức quy định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.3 Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ và Pháp luật hiện hành;
 - 2.4 Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - 2.5 Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến Cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - 2.6 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.7 Trường hợp VTRI giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần đã góp vào VTRI sau khi VTRI đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông sở hữu loại cổ phần khác của VTRI theo quy định của Pháp luật;
 - 2.8 Yêu cầu VTRI mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - 2.9 Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;
 - 2.10 Người sở hữu cổ phần ưu đãi mua thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Quyết định 22/2015/QĐ-CP có các quyền như người sở hữu các cổ phần phổ thông.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho VTRI toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa. Khi VTRI thực hiện quyền mua lại, Hội đồng quản trị có quyền quyết định các vấn đề có liên quan thay mặt VTRI. Nếu người lao động đó không thực hiện việc chuyển nhượng lại cho VTRI thì VTRI tự làm thủ tục và thông báo cho Cổ đông đó đến nhận tiền. Số cổ phần mua lại trong trường hợp này được coi là cổ phần thu về và được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có quyền quyết định tái phân phối những cổ phần này cho nhân viên VTRI với cùng mục đích ưu đãi, hoặc bán ra thị trường, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp.

3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền như sau:

3.1 Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ này;

3.2 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

3.3 Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

3.4 Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

3.5 Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VTRI khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có: họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VTRI; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

3.6 Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;

Điều 28. Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Các Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1.1 Tuân thủ Điều lệ này và các quy chế quản trị nội bộ của VTRI; chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

1.2 Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VTRI trong phạm vi số vốn đã góp vào VTRI. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi VTRI dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được VTRI hoặc người khác mua lại cổ phần;

1.3 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và phải thông báo ngay cho VTRI khi có bất cứ thay đổi nào đối với các thông tin đã đăng ký;

1.4 Hoàn thành các nghĩa vụ khác do Pháp luật quy định;

1.5 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh VTRI dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm Pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với VTRI;

d. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp.

1.6 Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.

Điều 29. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VTRI. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được Cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm họp phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được Pháp luật và Điều lệ này quy định, đặc biệt là thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - 3.1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VTRI. Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của VTRI và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;
 - 3.2 Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu giảm ít nhất một nửa số vốn;
 - 3.3 Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà Pháp luật quy định;
 - 3.4 Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản. Yêu cầu triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (*văn bản yêu cầu có thể được lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan*);
 - 3.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng bất kỳ Người quản lý nào vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
 - 3.6 Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
4. Trách nhiệm triệu tập cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông:
 - 4.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên được quy định tại điểm 3.3 khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm 3.4 và 3.5 khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VTRI.
 - 4.2 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát sẽ phải thay Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp

Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VTRI.

4.3 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm (d) khoản 3 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

4.4 Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do VTRI trả. Những phí tổn này sẽ không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

4.5 Người triệu tập phải lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Pháp luật.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

1.1 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm;

1.2 Báo cáo của Ban kiểm soát;

1.3 Báo cáo của Hội đồng quản trị;

1.4 Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của VTRI;

1.5 Phân phối lợi nhuận và mức cổ tức đối với cổ phần từng loại.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

2.1 Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm;

2.2 Phân phối lợi nhuận;

2.3 Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

2.4 Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

2.5 Lựa chọn các tổ chức kiểm toán độc lập;

2.6 Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Lãnh đạo Công ty;

2.7 Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

2.8 Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;

2.9 Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi VTRI;

2.10 Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) VTRI và chỉ định người thanh lý;

2.11 Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho VTRI và các Cổ đông của VTRI;

2.12 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản của VTRI được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất được kiểm toán;

2.13 VTRI mua hoặc mua lại hơn mười (10)% một loại cổ phần phát hành;

2.14 VTRI ký kết hợp đồng và giao dịch với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn Ba mươi lăm (35)% hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của VTRI tính theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

2.15 Phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

2.16 Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông chiến lược;

2.17 Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế khác của VTRI và quy định của Pháp luật có liên quan.

2.18 Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:

3.1 Các hợp đồng quy định tại điểm 2.14 khoản 2 Điều này nếu Cổ đông đó hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc

3.2 Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó hoặc của bất kỳ Người có liên quan nào của Cổ đông đó, trừ trường hợp mua lại cổ phần theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông theo khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.

3.3 Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 31. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

2.1 Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

2.2 Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

2.3 Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

3.2 Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

3.3 Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

3.3 Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

3.4 Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

5.1 Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

5.2 Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

5.3 Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 32. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được các Cổ đông sở hữu ít nhất sáu mươi lăm (65)% số cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được các Cổ đông sở hữu ít nhất bảy mươi lăm (75)% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua, riêng các Cổ đông có cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông sở hữu một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông (hoặc Người đại diện theo ủy quyền/Người được ủy quyền dự họp của họ) và sở hữu tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người sở hữu cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người đại diện theo ủy quyền/Người được ủy quyền dự họp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi nêu trên, những người sở hữu cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người đại diện theo ủy quyền/Người được ủy quyền dự họp có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Không trái với các quy định tại khoản 1 Điều này, thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt quy định tại Điều này được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 34, 35, 36, 37, 38 và 39 của Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác, các quyền đặc biệt liên quan đến việc chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của VTRI gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi sẽ không bị thay đổi vì việc phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 33. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại điểm 4.2 và 4.3 khoản 4 Điều 29 của Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - 2.1 Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
 - 2.2 Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - 2.3 Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - 2.4 Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - 2.5 Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.
 - 2.6 Dự thảo nghị quyết của Đại hội cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
3. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:
 - 3.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập của Cổ đông là tổ chức; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông là cá nhân; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
 - 3.2 Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của Cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của VTRI, công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (*trường hợp công ty niêm yết/đăng ký giao dịch*).
 - 3.3 Các tài liệu kèm theo thông báo mời họp (*chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp, mẫu chỉ định Người được ủy quyền dự họp,...*) được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VTRI.
 - 3.4 Thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu quy định tại điểm 3.3 khoản này và VTRI phải gửi tài liệu họp cho Cổ đông nếu Cổ đông yêu cầu.
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được lập bằng văn bản và phải được gửi cho VTRI ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó sở hữu và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều này nếu:
 - 5.1 Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;
 - 5.2 Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không sở hữu đủ ít nhất năm (05)% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục sáu (06) tháng trở lên;
 - 5.3 Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;
 - 5.4 Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các nghị quyết.
6. Đối với các vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết.
7. Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện một trăm (100)% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua Người đại diện theo ủy quyền hoặc Người được ủy

quyền dự họp tại Đại hội đồng cổ đông thì những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều hợp lệ kể cả trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập một cách không đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 34. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất năm mươi một (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba (33)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 35. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

2.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một (01) người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

2.2 Trong trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

2.3 Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

2.4 Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của Pháp luật hiện hành.

3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

5. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

6.1 Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

6.2 Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

7.1 Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

7.2 Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

7.3 Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn hoặc tạm dừng tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; Cách thức bầu người thay thế chủ tọa được thực hiện theo trình tự tại khoản 2 Điều này. Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 36. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với tỷ lệ phần trăm tổng số phiếu biểu quyết ít nhất là: 65%.

1.1 Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

1.2 Định hướng phát triển công ty;

1.3 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

1.4 Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

1.5 Tổ chức lại, giải thể VTRI.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số Cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một (51)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ của VTRI. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong quy chế bầu cử. Trường hợp không có đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 37. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt, được Chủ tọa và thư ký ký xác nhận, được lập và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Việc gửi biên bản có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 38. Hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm (100)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI.

Điều 39. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề cần phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 36 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

2. Các nghị quyết có thể được các Cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một (51)% tổng số phiếu có quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại Điều này.

3. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Việc lập Danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 34 của Điều lệ này.

Hội đồng quản trị gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của Cổ đông. Đồng thời, Hội đồng quản trị đăng phiếu lấy ý kiến trên trang thông tin điện tử của VTRI hoặc, khi xét thấy cần thiết, trên báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết được đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI. Hội đồng quản trị phải gửi các tài liệu trên cho Cổ đông nếu Cổ đông có yêu cầu.

4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

4.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VTRI;

4.2 Mục đích lấy ý kiến;

4.3 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;

4.4 Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

4.5 Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

4.6 Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về VTRI;

4.7 Nơi, cách thức tải dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VTRI;

4.8 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của VTRI.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến VTRI theo một trong các hình thức sau đây:

5.1 Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của Người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về VTRI phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

5.2 Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về VTRI qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về VTRI sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không giữ chức vụ quản lý của VTRI. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

6.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VTRI;

- 6.2 Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- 6.3 Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
- 6.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- 6.5 Các vấn đề đã được thông qua;
- 6.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của VTRI, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VTRI trong vòng một (01) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của VTRI.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, hoặc Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài (nếu có thẩm quyền) xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VTRI

Điều 41. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Cơ cấu thành viên hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
4. Thành viên của Hội đồng quản trị phải có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Doanh nghiệp theo quy định của luật Doanh nghiệp;
5. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị: Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ

năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng (không áp dụng đối với Đại hội đồng cổ đông lần đầu) có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

6.1 Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

6.2 Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của VTRI;

6.3 Thành viên đó bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có hành vi vi phạm Pháp luật và bị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tạm giam, tạm giữ;

6.4 Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

6.5 Thành viên bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 42. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt:

3.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

- 3.2 Các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị **35% tổng giá trị tài sản trở xuống** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán của VTRI. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- 3.3 Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- 3.4 Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; phê duyệt Quy chế quản lý nội bộ và các quy chế khác của Công ty theo đề nghị của Giám đốc;
- 3.5 Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
- 3.6 Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- 3.7 Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- 3.8 Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- 3.9 Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối Giám đốc và người quản lý khác do HĐQT phê chuẩn; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- 3.10 Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
- 3.11 Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- 3.12 Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- 3.13 Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quản lý vốn của Công ty và chi nhánh của công ty (CTCP- viện nghiên cứu Dệt may tại TP.HCM); quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- 3.14 Cử hoặc thuê người có đủ năng lực, trình độ, đạo đức, sức khỏe đáp ứng được yêu cầu công việc làm Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc Công ty;
- 3.15 Phê duyệt phương án tổ chức, sản xuất kinh doanh của Chi nhánh theo đề nghị của Giám đốc Công ty;
- 3.16 Kiểm tra, giám sát Chủ tịch, các thành viên Hội đồng thành viên và Giám đốc các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, và người đại diện phần vốn góp của Công ty trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt:
- 4.1 Thành lập chi nhánh mới hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- 4.2 Thành lập các công ty con của Công ty;
- 4.3 Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 và điều 138 Luật Doanh nghiệp năm 2020 phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);

- 4.4 Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- 4.5 Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- 4.6 Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% vốn điều lệ hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- 4.7 Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- 4.8 Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- 4.9 Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
- 4.10 Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- 4.11 Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị *(không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế)* được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
- Trường hợp thành viên HĐQT đồng thời là người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử làm đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn của Nhà nước tại Công ty và làm thành viên chuyên trách tại Công ty được hưởng tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và các quyền lợi khác (nếu có) do Công ty chi trả theo kết quả quản lý, điều hành Công ty, kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh, theo quy chế trả lương, thưởng của Công ty và được vận dụng theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao Động TBXH hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty CP, vốn góp chi phối của Nhà nước.
8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc

khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Các thành viên Hội đồng quản trị và những Người có liên quan của họ khi thực hiện giao dịch cổ phần của VTRI phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về giao dịch này theo quy định của Pháp luật.

11. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Điều 43. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện pháp luật.

2. Tiêu chuẩn làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty: Ngoài các tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trình độ Thạc sỹ trở lên và có kinh nghiệm ít nhất năm (05) năm làm cán bộ quản lý, điều hành tại các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

4. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ cụ thể sau:

4.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT; chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

4.2 Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; có quyền đình chỉ các quyết định của Giám đốc trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

4.3 Trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán và các báo cáo của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

4.4 Phụ trách chỉ đạo mọi hoạt động của Công ty. Trong thực thi các nhiệm vụ này, Chủ tịch HĐQT sử dụng chức danh là Chủ tịch Công ty, người đại diện pháp luật để ký các văn bản về hoạt động khoa học công nghệ và các văn bằng đào tạo, các hợp đồng kinh tế. Trong các trường hợp cụ thể Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền bằng văn bản cho Giám đốc hoặc Phó Giám đốc và các cán bộ quản lý để ký kết các văn bản.

4.5 Các quyền và nhiệm vụ khác qui định tại Điều lệ này và theo Luật doanh nghiệp.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày;

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 44. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. **Họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị:** Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. **Cuộc họp định kỳ:** Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. **Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:**
 - 3.1 Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
 - 3.2 Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - 3.3 Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị.
4. **Địa điểm họp:** Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của VTRI hoặc những địa chỉ khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
5. **Thông báo và chương trình họp:** Các cuộc họp sẽ phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị bảy (07) ngày trước khi tổ chức họp; các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực trở về trước. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp và phải kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại VTRI.
6. **Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp.** Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
7. **Biểu quyết:**
 - 7.1 Trừ quy định tại điểm 7.2 khoản 7 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.
 - 7.2 Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó có lợi ích đáng kể so với lợi ích có được từ việc sở hữu cổ phiếu, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của VTRI; hoặc lợi ích này liên quan đến những trách nhiệm của thành viên đó mâu thuẫn hay có thể mâu thuẫn với lợi ích của VTRI. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ

không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết định nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch được quy định tại Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

7.3 Theo quy định tại điểm 7.2 khoản 7 Điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị chung thẩm và là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

8. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Công khai lợi ích: Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ phải công khai bản chất, nội dung (kể cả các sửa đổi, bổ sung) các hợp đồng hoặc giao dịch thuộc trách nhiệm được đề cập tại Điều lệ này. Việc chấp thuận hay không cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó được các thành viên còn lại quyết định theo cách thức biểu quyết công khai.

10. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị theo phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc.

11. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

11.1 Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

11.2 Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp được tổ chức và tiến hành theo quy định trên sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

12. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý

kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một (01) thành viên trở lên ký.

13. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

14. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều người khác bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng:

14.1 Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa ($1/2$) tổng số thành viên của tiểu ban;

14.2 Nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.

15. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phần chiếm tỷ lệ nhất định/vốn điều lệ được đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VIII BAN KIỂM SOÁT

Điều 45. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là các trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành VTRI; Giám sát việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

1.3 Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu (06) tháng

và hàng quý của VTRI, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của VTRI và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

1.4 Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của VTRI, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của VTRI bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này.

1.5 Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của VTRI.

1.6 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của VTRI.

1.7 Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của Người quản lý của VTRI quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

1.8 Ban kiểm soát được quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của VTRI để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.9 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của VTRI.

1.10 Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của VTRI.

2. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của VTRI thì Ban kiểm soát sẽ có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

2.1 Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VTRI;

2.2 Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

2.3 Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

2.4 Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của các cơ quan quản lý của VTRI;

2.5 Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và Điều 171, Điều 172 và Điều 173 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của Luật Doanh nghiệp.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng (không áp dụng đối với Đại hội đồng cổ đông lần đầu) có quyền gộp số quyền biểu quyết lại với nhau để đề cử ứng viên để bầu

thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc Ban kiểm soát giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến các hoạt động của VTRI theo yêu cầu của Ban kiểm soát; và Thư ký VTRI phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

5. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

6. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

6.1 Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Chủ tọa cuộc họp;

6.2 Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

6.3 Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

7. Tổng mức tiền thù lao của Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của VTRI.

8. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát nhưng không được phép họp ít hơn hai (02) lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

9. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm kỳ tối đa là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

10.1 Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
- 10.2 Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
 - c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IX

GIÁM ĐỐC CÔNG TY, BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ VTRI

Điều 46. Tổ chức bộ máy quản lý VTRI

Hệ thống quản lý của VTRI phải bảo đảm bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. VTRI có một (01) Giám đốc Công ty, các Phó Giám đốc Công ty và một (01) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty (gọi chung là Ban Giám đốc). Giám đốc và các Phó Giám đốc Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức, theo đó:

1. Phó Giám đốc Công ty là người giúp Giám đốc Công ty một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc Công ty; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc được phân công và ủy quyền.
2. Kế toán trưởng là người giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, tài chính, thống kê; chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính, kế toán của VTRI theo đúng quy định của Pháp luật.
3. Theo đề nghị của Giám đốc Công ty và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông), VTRI sẽ có một số lượng nhất định các vị trí Người quản lý cần thiết và thích hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý VTRI do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm. Người quản lý phải có sự cần thiết để các hoạt động và tổ chức của VTRI đạt được các mục tiêu đề ra.
4. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định; hợp đồng của những Người quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định, mức lương và các chế độ do Giám đốc Công ty đề xuất và Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 47. Giám đốc Công ty

1. Bổ nhiệm:
 - 1.1 Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.
 - 1.2 Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc Công ty:
 - a, Có đủ năng lực, hành vi và không thuộc những đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;
 - b, Có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề hoạt động chính của VTRI.

2. Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ:

Giám đốc Công ty có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- 3.1 Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; Kế hoạch nghiên cứu khoa học; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 3.2 Quyết định các vấn đề, không cần có ý kiến của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt VTRI ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, hợp đồng nghiên cứu khoa học, giao dịch quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp khi được người đại diện theo pháp luật ủy quyền; Được sử dụng toàn bộ các nguồn lực của Công ty để tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của VTRI theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- 3.3 Đề nghị về số lượng và nhân sự các vị trí Người quản lý mà VTRI cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết và xin ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, tiền thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong VTRI, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
- 3.4 Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Giám đốc Công ty phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;
- 3.5 Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- 3.6 Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của VTRI;
- 3.7 Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của VTRI (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của VTRI theo kế hoạch kinh doanh. Bảng dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của VTRI do Hội đồng quản trị ban hành;
- 3.8 Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- 3.9 Giám đốc Công ty sẽ là người đại diện cho VTRI để thực hiện việc tuyển dụng và ký kết các hợp đồng lao động;
- 3.10 Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thì Giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho cá nhân và/hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm;
- 3.11 Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của VTRI theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của VTRI do Hội đồng quản trị ban hành, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với VTRI. Nếu điều hành trái với quy định trên mà gây thiệt hại cho VTRI thì Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật (nếu có) và phải bồi thường thiệt hại cho VTRI;
- 3.12 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ VTRI và Pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ đông:

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm, miễn nhiệm:

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Công ty theo hình thức biểu quyết quy định tại khoản 8 Điều 44 của Điều lệ này và bổ nhiệm một Giám đốc Công ty mới thay thế.

6. Giám đốc Công ty có thể bị Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

6.1 Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của VTRI;

6.2 Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

6.3 Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của VTRI;

6.4 Vi phạm Pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

6.5 Có đơn xin từ chức được Hội đồng quản trị chấp thuận.

7. Thư ký Công ty.

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

7.1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

7.2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

7.3. Tham dự các cuộc họp.

7.4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.

7.5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG X

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của VTRI và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho VTRI vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có

được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Nội dung Thông báo bao gồm:

2.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

2.2 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên năm (05)% Vốn điều lệ.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo tới VTRI trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được lưu giữ tại trụ sở chính của VTRI. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của VTRI đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về VTRI.

3. VTRI không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Theo Điều 167 Luật Doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa VTRI và các đối tượng sau đây:

4.1 Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông của VTRI và Người có liên quan của họ; hoặc

4.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ; hoặc

4.3 Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; doanh nghiệp mà Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên năm (5)% Vốn điều lệ; Sẽ không bị vô hiệu hóa, nếu:

Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của VTRI ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán và nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Hội đồng quản trị ra quyết định chấp thuận và cho phép thực hiện;

Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm (35)% hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản của VTRI ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán và các hợp đồng hoặc giao dịch khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và những nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của VTRI hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác hay Người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của VTRI vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

6. Về trách nhiệm bồi thường trong trường hợp thực hiện giao dịch chưa được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị chấp thuận: hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 4 Điều này. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VTRI các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại:

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường:

VTRI sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do VTRI là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác, nhân viên VTRI hoặc người đại diện được ủy quyền của VTRI, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của VTRI với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác, nhân viên, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của VTRI, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các

chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép. VTRI có quyền mua bảo hiểm trách nhiệm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VTRI

Điều 50. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Mọi Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này đều có quyền, trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc Người đại diện theo ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách các Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của VTRI và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc người đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có quyền kiểm tra Sổ đăng ký Cổ đông của VTRI, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của VTRI vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. VTRI sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Mọi Cổ đông đều có quyền có được một (01) bản Điều lệ VTRI miễn phí. Điều lệ này phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI.

CHƯƠNG XII

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 51. Cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của VTRI.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của VTRI.
3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
4. VTRI sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng tiền mặt, các cổ phiếu

hoặc trái phiếu khác đã được thanh toán hết tiền mua do VTRI phát hành, hoặc các tài sản khác thuộc quyền sở hữu hợp pháp của VTRI) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

6. Cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì Cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi VTRI đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông. Nếu VTRI đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì VTRI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được VTRI chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo quy định của Pháp luật.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Điều 52. Phân phối lợi nhuận sau thuế

Hàng năm VTRI phân phối lợi nhuận sau thuế như sau:

1. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước;
2. Số lợi nhuận còn lại (*sau khi trừ khoản lỗ của các năm trước quy định tại khoản 1 Điều này*) được phân phối như sau:
 - 2.1 Trích quỹ đầu tư phát triển;
 - 2.2 Trích quỹ khen thưởng phúc lợi;
 - 2.3 Trích thưởng ban quản lý điều hành;
 - 2.4 Chia cổ tức;
 - 2.5 Để lại năm sau (*nếu có*).

Mức trích cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG XIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 53. Tài khoản ngân hàng

1. VTRI sẽ mở tài khoản tại một hay nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, VTRI có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật, nếu cần thiết.
3. VTRI sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà VTRI mở tài khoản.

Điều 54. Năm tài chính

Năm tài chính của VTRI bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ Ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 55. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán được VTRI sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS).
2. VTRI sẽ phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. VTRI sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà VTRI tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của VTRI.
3. VTRI sử dụng Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XIV

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 56. Báo cáo tài chính hàng năm

1. VTRI sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm báo cáo của VTRI và báo cáo tài chính hợp nhất) theo quy định của Pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 59 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho Cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của VTRI trong năm tài chính, Bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của VTRI cho đến thời điểm lập báo cáo, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

2. VTRI phải lập và công bố các báo cáo tài chính năm (báo cáo tài chính hợp nhất) cho Cơ quan thuế có thẩm quyền và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) báo cáo năm của VTRI phải được công bố trên website của VTRI.

Điều 57. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được nộp cho Cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp

Điều 58. Báo cáo thường niên

VTRI phải lập và công bố Báo cáo thường niên cho cổ đông theo các quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XV

KIỂM TOÁN VTRI

Điều 59. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, một hoặc một số công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và trong danh sách hàng năm được Bộ Tài chính công bố đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập hiện hành sẽ được lựa chọn để VTRI chỉ định một công ty trong số đó tiến hành các hoạt động kiểm toán đối với VTRI.
2. Các kiểm toán viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho VTRI phải có chứng chỉ hành nghề do Bộ Tài chính cấp.
3. VTRI sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của VTRI.
5. Một kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán VTRI sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà mọi Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đó về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVI

CON DẤU

Điều 60. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ thông qua con dấu chính thức của VTRI và Hội đồng quản trị có thể xác định nội dung của con dấu theo những quy định của Pháp luật.
2. Giám đốc Công ty có trách nhiệm giữ gìn, quản lý con dấu và con dấu sẽ được sử dụng theo Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của VTRI.

CHƯƠNG XVII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 61. Chấm dứt hoạt động

1. VTRI có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - 1.1 Toà án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố VTRI phá sản theo quy định Pháp luật hiện hành;
 - 1.2 Khi các Cổ đông sở hữu ít nhất sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tán thành;
 - 1.3 Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.
2. Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể VTRI đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định này phải được thông báo lên cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 62. Thanh lý

1. Khi có một quyết định giải thể VTRI, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập ban thanh lý ("Ban Thanh lý") gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành

viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên VTRI hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến việc thanh lý sẽ được VTRI ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của VTRI.

2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt VTRI trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý VTRI trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

3.1 Các chi phí thanh lý;

3.2 Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động;

3.3 Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà VTRI phải trả cho Nhà nước Việt Nam;

3.4 Các khoản vay (nếu có);

3.5 Các khoản nợ khác của VTRI;

3.6 Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục 3.1 đến 3.5 trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Cổ đông phổ thông sẽ được chia phần sau khi các cổ phiếu ưu đãi được thanh toán.

CHƯƠNG XVIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của VTRI hay tới quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ nào theo Luật Doanh nghiệp hay các quy định khác của Pháp luật, giữa:

1.1 Một Cổ đông hay các Cổ đông với VTRI; hoặc

1.2 Một Cổ đông hay các Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hay Người quản lý khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Toà án có thẩm quyền.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Án phí sẽ do Toà án phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XIX

TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 64. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong VTRI hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong VTRI hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội đó.
3. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của VTRI với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của VTRI và quy định của Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 65. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Những vấn đề chưa được quy định trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định Pháp luật hiện hành của Việt Nam và các thông lệ thương mại quốc tế.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 66. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này bao gồm 21 chương và 66 điều, được Đại hội đồng cổ đông VTRI thông qua tại Nghị quyết số/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022 và có hiệu lực từ ngày 28/04/2022.
 2. Điều lệ có thể lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau, trong đó ít nhất một (01) bản lưu trữ tại trụ sở chính của VTRI.
 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của VTRI.
- Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Phạm Văn Lượng